ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

**TRƯỜNG TIỂU HỌC PHAN VĂN TRỊ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

**TRƯỜNG TIỂU HỌC PHAN VĂN TRỊ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
|  | Dương Thị Nhung | Hiệu trưởng  Bí thư Chi bộ | Chủ tịch Hội đồng |  |
|  | Nguyễn Thị Hiền | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
|  | Trần Thị Thanh Phúc | Văn thư | Thư ký Hội đồng |  |
|  | Huỳnh Ngọc Yến Oanh | Chủ tịch công đoàn | Ủy viên Hội đồng |  |
|  | Nguyễn Thị Diệu Phương | Bí thư chi đoàn | Ủy viên Hội đồng |  |
|  | Nguyễn Thị Kim Phụng | Tổng phụ trách | Ủy viên Hội đồng |  |
|  | Nguyễn Hoàng Phương Chi | Tổ trưởng khối 1 | Ủy viên Hội đồng |  |
|  | Nguyễn Thị Cẩm Vân | Tổ trưởng khối 3 | Ủy viên Hội đồng |  |
|  | Nguyễn Vũ Thùy Vân | Tổ trưởng khối 4 | Ủy viên Hội đồng |  |
|  | Phạm Thị Ánh Tuyết | Tổ trưởng khối 5 | Ủy viên Hội đồng |  |
|  | Tô Thị Cẩm Trang | Tổ trưởng tổ văn phòng | Uỷ viên Hội đồng |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2019

MỤC LỤC

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 3 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 5 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 10 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 10 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 14 |
| I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3 | 14 |
| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường | 14 |
| Mở đầu | 14 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. | 15 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác. | 17 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 19 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 23 |
| Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học | 27 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 29 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 32 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 34 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 36 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 38 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 1* | 41 |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh | 42 |
| Mở đầu | 42 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 43 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 45 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 48 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh | 50 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | 53 |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học | 53 |
| Mở đầu | 53 |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập | 54 |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học | 56 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị | 58 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 60 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị | 62 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện | 65 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 67 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 68 |
| Mở đầu | 68 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh | 68 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 71 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | 73 |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục | 74 |
| Mở đầu | 74 |
| Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường | 74 |
| Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học | 76 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác | 79 |
| Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học | 81 |
| Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục | 83 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 86 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 86 |
| Phần IV. PHỤ LỤC | 87 |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.3 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 1.4 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 1.5 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.6 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 1.7 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.9 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | x |  |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 2.2 | x |  |  |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 2.4 |  |  |  | x |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 3.3 | x |  |  |  |
| Tiêu chí 3.4 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 3.5 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 3.6 |  |  |  | x |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 4.2 |  |  | x |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 5.2 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 5.3 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 5.4 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 5.5 |  |  |  | x |

**Kết quả:** Chưa Đạt Mức 1.

**2. Kết luận: Trường chưa đạt Mức 1.**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Tiểu học Phan Văn Trị

Tên trước đây: Không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thành phố | Hồ Chí Minh |  | Họ và tên hiệu trưởng | Dương Thị Nhung |
| Quận | Bình Thạnh | Điện thoại | (028) 62948668 |
| Phường | 11 | Fax | Không |
| Đạt chuẩn quốc gia | Không | Website | http://thphanvantribinhthanh.hcm.edu.vn/ |
| Năm thành lập | 1978 | Số điểm trường | 01 |
| Công lập | Có |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Trường chuyên biệt | Không | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp** | **Năm học 2013-2014** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** |
| Khối lớp 1 | 3 | 3 | 2 | 3 | 3 |
| Khối lớp 2 | 3 | 3 | 3 | 2 | 3 |
| Khối lớp 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 |
| Khối lớp 4 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| Khối lớp 5 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| **Cộng** | **15** | **15** | **14** | **14** | **14** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2013-2014** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| I | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 10 | 11 | 13 | 13 | 14 |  |
| 1 | Phòng học | 10 | 11 | 13 | 13 | 14 |  |
| a | Phòng kiên cố | 10 | 11 | 13 | 13 | 14 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| II | Khối phòng hành chính - quản trị | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| III | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| IV | Các công trình, khối phòng chức năng khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | **Cộng** | **12** | **13** | **15** | **15** | **16** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 11 năm 2018

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| *Chưa đạt chuẩn* | *Đạt chuẩn* | *Trên chuẩn* |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Giáo viên | 20 | 17 | 0 | 0 | 2 | 18 |  |
| Nhân viên | 6 | 4 | 0 | 0 | 6 | 0 |  |
| **Cộng** | **28** | **23** | **0** | **0** | **8** | **22** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2013-2014** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số giáo viên | 17 | 18 | 18 | 17 | 17 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 1.1 | 1.2 | 1.2 | 1.1 | 1.1 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 2.6 | 2.8 | 2.8 | 2.6 | 2.6 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương | 0 | 0 | 01 | 03 | 02 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Các số liệu khác |  |  |  |  |  |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2013-2014** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số học sinh | 646 | 629 | 610 | 596 | 641 |
| *- Nữ* | 310 | 320 | 316 | 319 | 341 |
| *- Dân tộc* | 1 | 1 | 5 | 5 | 13 |
| *- Khối lớp 1* | 145 | 137 | 124 | 101 | 151 |
| *- Khối lớp 2* | 119 | 139 | 132 | 125 | 101 |
| *- Khối lớp 3* | 122 | 111 | 137 | 125 | 128 |
| *- Khối lớp 4* | 126 | 115 | 108 | 140 | 119 |
| *- Khối lớp 5* | 134 | 126 | 109 | 105 | 142 |
| 2 | Tổng số  tuyển mới | 144 | 134 | 122 | 128 | 148 |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 143 | 193 | 399 | 446 | 551 |
| 4 | Bán trú | 243 | 293 | 399 | 355 | 410 |
| 5 | Nội trú |  |  |  |  |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp học | 43 | 41 | 43 | 42 | 45 |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 95% | 93% | 94% | 94% | 95% |
| *- Nữ* | 284 | 305 | 302 | 304 | 325 |
| *- Dân tộc* | 0 | 1 | 4 | 4 | 10 |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh |  |  |  |  |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| *- Nữ* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| *- Dân tộc* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 11 | Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 12 | Khuyết tật | 4 | 3 | 2 | 2 | 2 |
| 13 | Lưu ban |  |  |  |  |  |

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2013-2014** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Ghi chú** |
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 98,74% | 99,5% | 98,83% | 97,62% | 98,27% |  |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |

**5. Các số liệu khác:** Không có

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Tiểu học Phan Văn Trị được thành lập từ tháng 7 năm 1996 theo Quyết định số 251/QĐ-UB ngày 04 tháng 7 năm 1996 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh ; đặt tại số 348 Phan Văn Trị, Phường 11, quận Bình Thạnh. Kinh phí hoạt động của trường do ngân sách nhà nước cấp. Trình độ đào tạo của cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn 100%.

Năm học 2017-2018, trường có 14 lớp học. Trong đó, có 12 lớp học 02 buổi/ngày và 2 lớp học 01 buổi/ngày.

Nhiều năm qua, được sự chỉ đạo sâu sát của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương; sự phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh, tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, góp phần đổi mới sự nghiệp giáo dục của đất nước và quận nhà.

Trường có Chi bộ Đảng với số lượng đảng viên là 09 đồng chí, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Công đoàn đạt Công đoàn vững mạnh xuất sắc; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đạt danh hiệu Liên đội xuất sắc. Tỷ lệ giáo viên giỏi, chiến sĩ thi đua và tỷ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập ngày càng được nâng cao. Các phong trào thi đua dạy tốt-học tốt được đội ngũ giáo viên và học sinh tích cực hưởng ứng. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, các hoạt động đi vào chiều sâu, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Nhà trường hướng tới mục tiêu: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Tạo mọi điều kiện học tập thuận lợi nhằm giúp học sinh hoàn thành cấp tiểu học, đảm bảo duy trì sĩ số, không có hiện tượng bỏ học. Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện để trẻ em thích đi học, thích học để mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Giáo dục học sinh tính sáng tạo, khả năng thích ứng và đạo đức chân chính. Tạo dựng được môi trường học tập nền nếp, kỷ cương có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo của bản thân, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Sứ mạng của nhà trường là thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học, tạo uy tín với nhân dân về chất lượng giáo dục và phấn đấu đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1.

**2. Mục đích tự đánh giá**

Tự đánh giá kiểm định chất lượng nhằm giúp nhà trường xác định điểm mạnh, điểm yếu, mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn. Qua đó, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục nhằm thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

**3. Tóm tắt quá trình hoạt động tự đánh giá**

Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng Tự đánh giá của trường đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến toàn thể các thành viên trong Hội đồng Giáo dục nhà trường; yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân phối hợp cùng thực hiện.

Các văn bản hướng dẫn công tác kiểm định chất lượng gồm:

- Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

- Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

- Quyết định số 157/QĐ-THTQV ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Trường Tiểu học Phan Văn Trị về việc Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Hội đồng Tự đánh giá nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tự

đánh giá, đảm bảo đúng tiến độ trong 16 tuần như sau:

| **Thời gian** | **Hoạt động** |
| --- | --- |
| **Tuần 1**  (05/11/2018-9/11/2018) | 1. Họp liên tịch trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá.  2. Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá  3. Họp Hội đồng Tự đánh giá để:  - Công bố quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá;  - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân;  - Dự thảo và ban hành kế hoạch tự đánh giá.  4. Phổ biến kế hoạch tự đánh giá nhà trường đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên có liên quan. |
| **Tuần 2**  (12/11/2018-16/11/2018) | 1. Tổ chức hội nghị tập huấn về nghiệp vụ tự đánh giá cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên có liên quan.  2. Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá.  3. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí. |
| **Tuần 3-5**  (19/11/2018-7/12/2018) | 1. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.  2. Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được.  3. Lập bảng Danh mục mã minh chứng.  4. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí Mức 4. |
| **Tuần 6, 7**  (10/12/2018-21/12/2018) | Các nhóm chuyên trách, cá nhân tiếp tục viết các Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí Mức 4. |
| **Tuần 8, 9**  (24/12/2018-04/01/2019) | 1. Họp Hội đồng Tự đánh giá để:  - Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động tự đánh giá;  - Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí Mức 4 với Hội đồng Tự đánh giá;  - Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí Mức 4, có chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng;  - Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung;  2. Dự thảo báo cáo tự đánh giá. |
| **Tuần 10**  (7/01/2019-11/01/2019) | Họp Hội đồng Tự đánh giá để:  - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung có liên quan;  - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung cho dự thảo báo cáo tự đánh giá. |
| **Tuần 11, 12**  (14/01/2019-25/01/2019) | - Thông qua báo cáo tự đánh giá đã chỉnh sửa, bổ sung;  - Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường;  - Thu thập các ý kiến đóng góp cho dự thảo báo cáo tự đánh giá;  - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến đóng góp;  - Đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng. |
| **Tuần 13, 14**  (11/02/2019-22/02/2019) | - Các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá kí tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá; Hiệu trưởng kí tên, đóng dấu và ban hành;  - Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp;  - Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ trường;  - Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các minh chứng theo quy định. |
| **Tuần 15, 16**  (25/02/2019-8/3/2019) | 1. Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.  2. Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá trước khi thực hiện việc đăng kí đánh giá ngoài với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. |

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu:**

Trường Tiểu học Phan Văn Trị có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng: Hội đồng Trường, Hội đồng Tư vấn, Hội đồng Thi đua khen thưởng. Các hội đồng có đủ cơ cấu, thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định. Các đoàn thể trong nhà trường gồm: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng của mình.

Năm học 2017-2018, trường có 14 lớp học. Mỗi khối lớp đều được bố trí giáo viên chủ nhiệm hợp lý. Trường có giáo viên dạy bộ môn như thể dục, ngoại ngữ, tin học, mĩ thuật, âm nhạc. Số học sinh trung bình mỗi lớp là 45

học sinh. Mỗi lớp đều có ban cán sự lớp.

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động có nề nếp, đáp ứng tốt việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

*Mức 1:*

*a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

*Mức 2:*

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

*Mức 3:*

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Từ năm 2011 đến nay, nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển ở hai giai đoạn: Giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020. Chiến lược phát triển nhà trường ở hai giai đoạn này đều được xây dựng trên các căn cứ: Luật Giáo dục cùng các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận Bình Thạnh, Nghị quyết Đảng bộ Phường 11và quan trọng nhất là căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường. Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

b) Chiến lược phát triển nhà trường được thể hiện trong văn bản “Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường” và được sự phê duyệt chấp thuận của phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh [H1-1.1-01].

c) Chiến lược phát triển nhà trường đã được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường nhưng chưa được công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 2:

Trường đã đề ra một số biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ nhằm xây dựng và phát triển trường [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 3:

Trường có thực hiện việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện để từ đó có cơ sở thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh nội dung chiến lược của trường nhằm phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên, công tác này chưa được thực hiện liên tục [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

- Chiến lược phát triển nhà trường chưa được công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử nhà trường.

- Công tác rà soát, đánh giá kết quả để điều chỉnh, bổ sung chiến lược chưa được thực hiện liên tục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xây dựng kế hoạch thực hiện việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung nội dung trong Chiến lược phát triển | Hiệu trưởng | Được Hội đồng Trường thông qua | Đầu năm học | Không |
| Phân công nhiệm vụ cho các thành viên, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát thực hiện chiến lược | Hiệu trưởng | Không | Trong năm học | Không |
| Thực hiện việc rà soát, đánh giá thường xuyên; đồng thời, so sánh, đối chiếu mục tiêu chung của ngành, địa phương với của trường để bổ sung, điều chỉnh nội dung trong chiến lược. | Hội đồng trường | Không | Theo kế hoạch | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác**

*Mức 1:*

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng trường nhiệm kì 2018-2023 được thành lập theo Quyết định số 20-35/QĐ-GDĐT ngày 16 tháng 03 năm 2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh. Hội đồng trường gồm có 11 thành viên. Thành viên của các hội đồng trong nhà trường thường tập trung vào đội ngũ cán bộ cốt cán là tổ trưởng chuyên môn, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Hội đồng Thi đua khen thưởng của trường được hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học với thành phần quy định tại Khoản 1 Điều 24 Điều lệ trường tiểu học; Hội đồng Tư vấn do hiệu trưởng thành lập vào đầu năm học gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và Chủ tịch Công đoàn [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

b) Hội đồng trường và các hội đồng trong các năm học qua đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, đã phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giáo dục trong nhà trường [H1-1.2-04].

c) Các hoạt động của Hội đồng trường thường xuyên được rà soát đánh giá định kì hàng quý theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ trường tiểu học. Tuy nhiên việc rà soát, đánh giá chưa thể hiện rõ trong báo cáo sơ kết, tổng kết hay biên bản đánh giá cuối năm. Nội dung các buổi họp nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của trường, bàn bạc và thống nhất các nhiệm vụ sắp tới. Các thành viên trong Hội đồng trường đã tích cực đóng góp ý kiến cho các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, trường còn một số thành viên rụt rè, chưa mạnh dạn phát biểu [H1-1.2-04].

Mức 2:

- Hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác của trường góp phần cùng đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng giáo dục chung [H1-1.1-02].

- Tất cả các hoạt động, nội dung có liên quan đến nhà trường đều được báo cáo với Hội đồng trường để các thành viên thảo luận và thông qua công

khai, minh bạch [H1-1.2-04].

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, đã phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giáo dục trong nhà trường

**3. Điểm yếu**

- Hoạt động của Hội đồng trường được rà soát, đánh giá hàng năm nhưng chưa thể hiện rõ trong báo cáo sơ kết, tổng kết hay biên bản đánh giá cuối năm.

- Một số thành viên còn rụt rè, chưa mạnh dạn phát biểu trong các cuộc họp của Hội đồng trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng trường và các hội đồng khác trong việc thực hiện nhiệm vụ và thể hiện rõ trong các báo cáo của trường | Chủ tịch hội đồng | Các thành viên trong hội đồng thông qua | Trong các buổi họp | Không |
| Tăng cường công tác đối thoại, trao đổi, thu thập ý kiến đóng góp từ các thành viên của hội đồng | Các thành viên trong hội đồng | Không | Trong năm học | Không |

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ**

**chức khác trong nhà trường**

*Mức 1:*

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

*Mức 3:*

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Chi bộ Trường Tiểu học Phan Văn Trị thành lập ngày 23 tháng 10 năm 2006 cho đến nay theo Quyết định số 18-QĐ/ĐU ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Đảng ủy Phường 11. Tổng số đảng viên hiện nay của chi bộ là 09/28, tỷ lệ 32,14%; Chi bộ đã phát triển đảng viên đạt yêu cầu so với số cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị [H1-1.3-01].

- Công đoàn trường có 37 công đoàn viên [H1-1.3-02].

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường có 05 đoàn viên hướng dẫn Đội Thiếu niên thực hiện các hoạt động tập thể như: văn nghệ, thể thao, các phong trào thi đua, các cuộc thi do Hội đồng Đội tổ chức,...nhưng số lượng đoàn viên hiện nay còn ít nên việc tham gia phong trào Đoàn còn nhiều khó khăn [H1-1.3-03].

- Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có 339 đội viên [H1-1.3-04], Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh có 317 em [H1-1.3-05].

- Hội Khuyến học Trường Tiểu học Phan Văn Trị được Hội Khuyến học Phường 11, quận Bình Thạnh công nhận với tổng số hội viên là 37 người [H1-1.3-06]

- Cơ cấu tổ chức của nhà trường đủ, hoạt động hiệu quả, phát huy được sức mạnh của từng thành viên và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động giáo dục.

b) Các tổ chức và đoàn thể trong nhà trường đa số đều xây dựng kế hoạch hoạt động, thực hiện hội họp đúng quy định và ghi biên bản rõ ràng.

- Chi bộ Đảng sinh hoạt định kì 01 lần/tháng để đánh giá toàn bộ hoạt động giáo dục trong nhà trường, công tác xây dựng Đảng và chỉ đạo công tác cho từng đoàn thể, từng cá nhân cán bộ, đảng viên;

- Công đoàn trường hoạt động theo quy định của Điều lệ Công đoàn [H1-1.3-07].

c) Hàng năm, các hoạt động của đa số các tổ chức và đoàn thể trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá và được thể hiện trong kết quả thi đua hàng năm của nhà trường;

- Trong năm 2015,2016,2017 chi bộ đều được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Các đoàn thể Công đoàn, Chi đoàn và Đội từ năm 2013 đến nay đều được đánh giá xuất sắc [H1-1.3-08].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Tiểu học Phan Văn Trị có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định. Từ năm 2013 đến nay, Chi bộ Trường Tiểu Phan Văn Trị học luôn được Đảng uỷ Phường 11 quận Bình Thạnh đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-09].

b) Công đoàn cơ sở trường tổ chức nhiều hoạt động cho công đoàn viên và tham gia đầy đủ các hoạt động do Công đoàn cấp trên tổ chức như đóng góp các loại quỹ xã hội, tổ chức hoạt động ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10,… [H1-1.3-10].

- Ngoài ra, Chi đoàn giáo viên và Liên đội trường cũng đã tổ chức nhiều hoạt động cho giáo viên, học sinh như ngày Hội An toàn giao thông,… [H1-1.3-11].

Mức 3:

a) Trong những năm qua, Chi bộ luôn được Đảng bộ Phường 11 đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-09].

b) Từ năm học 2013-2014 đến nay, Công đoàn cơ sở, Chi đoàn và Liên đội đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường: Công đoàn cơ sở luôn đạt danh hiệu Công đoàn vững mạnh xuất sắc, Chi đoàn đạt hoàn thành xuất sắc [H1-1.1-02].

**2. Điểm mạnh**

- Cơ cấu tổ chức của nhà trường đủ, hoạt động hiệu quả, phát huy được sức mạnh của từng thành viên và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động giáo dục.

- Phát triển đảng viên đạt yêu cầu (32,14%) so với số cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị.

**3. Điểm yếu**

Số lượng đoàn viên ít nên việc tham gia phong trào Đoàn còn nhiều khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực của cá nhân trong các hoạt động có liên quan | Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, Tổng phụ trách Đội | Có sự nhất trí của cá nhân được phân công | Trong các hoạt động | Không |
| Trao đổi với Cán bộ quản lý để quan tâm, tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên có năng lực, năng nổ, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động, phong trào | Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn | Có sự nhất trí của Cán bộ quản lý | Trong năm học | Không |
| Chỉ đạo, hướng dẫn, định hướng Chi đoàn giáo viên tổ chức những hoạt động phù hợp với tình hình | Bí thư Chi bộ | Không | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

*Mức 1:*

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

*Mức 2:*

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

*Mức 3:*

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 01 hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng đủ số lượng theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Điều lệ trường tiểu học. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập thì trường đã đủ nhân sự.

b) Nhà trường đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định, thực hiện đúng theo Khoản 1, Điều 18 của Điều lệ trường tiểu học. Trường có các tổ chuyên môn từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 và tổ văn phòng với cơ cấu theo quy định. Mỗi tổ có tổ trưởng [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt 2 tuần/lần. Mỗi tổ đều có xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm, tháng, tuần riêng biệt [H1-1.4-05]; [H1-1.4-07] các thành viên trong tổ có sổ ghi chép nội dung các cuộc họp tổ chuyên môn và thể hiện ý kiến đóng góp giải quyết tình huống trong công việc [H1-1.4-06].

- Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 của Điều lệ trường tiểu học gồm: Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo năm học, tháng, tuần nhằm thực hiện chư­ơng trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục [H1-1-04-04]; thực hiện bồi d­ưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.4-08]; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách, thiết bị của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-09]; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học [H1-1.4-10].

- Tổ văn phòng thực hiện đúng chức năng theo Điều 19 của Điều lệ trường tiểu học: Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo năm, tháng, tuần, nhằm phục vụ cho việc thực hiện chư­ơng trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.4-05]; giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán tài chính, thống kê theo quy định [H1-1.4-11]; bồi d­ưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại viên chức [H1-1.4-12];

- Các tổ hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ của tổ theo quy định nhưng nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn chưa đi sâu vào giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học [H1-1.4-13].

Mức 2:

a) Thực hiện kế hoạch của trường và kế hoạch của tổ chuyên môn, trường tổ chức ít nhất 01 chuyên đề cấp trường và mỗi tổ đều có ít nhất 01 chuyên đề cấp tổ [H1-1.1-02]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

b) Các tổ đều thực hiện tốt việc thực hiện đánh giá, điều chỉnh hoạt động chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện nhiệm vụ của trường. Từ đó, các hoạt động đã có đóng góp tích cực cho hoạt động của trường [H1-1.1-02]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

Mức 3:

a) Từ việc kịp thời bổ sung, điều chỉnh nội dung sinh hoạt, chuyên môn, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đã có những hoạt động chất lượng, góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ [H1-1.1-02].

b) Các hoạt động chuyên đề của tổ chuyên môn được tổ chức định kì, liên tục nhưng chất lượng giáo dục của trường chưa cao [H1-1.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định. Các tổ hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ của tổ theo quy định.

**3. Điểm yếu**

- Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn chưa đi sâu vào giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Phân công nhiệm vụ cho phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn theo dõi các hoạt động của tổ | Hiệu trưởng | Không | Định kì hằng tháng | Không |
| Đánh giá hoạt động của tổ chuyên môn | Cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn | Không | Trong các buổi sinh hoạt | Không |
| Chỉ đạo phó hiệu trưởng chuyên môn xếp thời khoá biểu, phân công nhiệm vụ thuận lợi để tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ, tham gia các hoạt động | Hiệu trưởng | Không | Trong cuộc họp giao ban | Không |
| Hướng dẫn và định hướng nội dung sinh hoạt chuyên môn hàng tháng cho các tổ. | Phó hiệu trưởng | Được lãnh đạo cấp trên thông qua | Tháng 6/2019 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học**

*Mức 1:*

*a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*

*b) Học sinh đ­ược tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*

*c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

*Mức 2:*

*a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;*

*b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;*

*c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Toàn trường có 14 lớp với tổng số học sinh là 635 em với đầy đủ từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 theo quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Mỗi lớp học đều có ban cán sự lớp, gồm 01 lớp trưởng và 02 lớp phó, lớp được chia thành các tổ học sinh, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04]; [H1-1.5-05].

c) Lớp học được hoạt động trên nguyên tắc tự quản, dân chủ. Ban cán

sự lớp được luân phiên thay đổi 4 lần/năm học thúc đẩy hoạt động học tập và phong trào của lớp đạt hiệu quả cao [H1-1.5-04]; [H1-1.5-05].

Mức 2:

a) Năm học 2017-2018, trường có 14 lớp. Khối 1, khối 3,khối 4, khối 5: mỗi khối có 3 lớp. Khối 2có 2 lớp [H1-1.5-03].

b) Sĩ số bình quân của mỗi lớp là 45học sinh, vượt quá so với quy định là 35 học sinh/lớp theo Điều lệ trường tiểu học [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

c) Trường có chú ý việc tổ chức các lớp học với số lượng học sinh đồng đều nhau nhằm đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp khi tổ chức các hoạt động của trường [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường thực hiện tốt việc xây dựng cơ cấu tổ chức các lớp học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

**3. Điểm yếu**

Tỷ lệ học sinh/lớp chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 1, Điều 17 của Điều lệ trường tiểu học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xây dựng kế hoạch cơ cấu tổ chức các lớp học theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học | Hiệu trưởng | Số lượng học sinh, số phòng học | Đầu năm học | Không |
| Tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh về việc phân tuyến tuyển sinh lớp một nhằm giảm sĩ số học sinh trong một lớp theo đúng quy định | Hiệu trưởng | Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh chấp thuận | Tháng 5/2019 | Không |
| Thống kê số lượng, chất lượng học sinh để sắp xếp lớp học nhằm đảm bảo tính linh hoạt và yêu cầu khi tổ chức hoạt động | Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên văn thư | Không | Đầu năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

*Mức 1:*

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

*Mức 2:*

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

*Mức 3:*

*Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a)Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ phục vụ cho hoạt động giáo dục trong nhà trường như: Sổ đăng bộ [H1-1.6-01], sổ phổ cập giáo dục tiểu học [H1-1.6-02], sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02], lưu trữ đầy đủ học bạ của học sinh [H1-1.6-03], sổ nghị quyết và kế hoạch công tác [H1-1.6-04], phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-05], sổ khen thưởng [H1-1.6-06], sổ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-07], sổ công văn đến [H1-1.6-08], sổ công văn đi [H1-1.6-09]. Các hồ sơ được cập nhật đầy đủ, đúng tiến độ, chính xác. Việc lưu trữ các loại hồ sơ chưa khoa học, chưa đầy đủ theo các năm [H1-1.4-13].

b) Nhà trường thực hiện đúng việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở sở vật chất đúng theo quy định; thực hiện nghiêm túc việc công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12]; [H1-1.6-13].

c) Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng tài chính được giao mang lại hiệu quả tốt trong việc tu bổ, mua sắm cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-14]; [H1-1.6-15].

Mức 2:

a) Nhà trường đã và đang triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường, lưu trữ dữ liệu trên máy tính. Nhà trường sử dụng các phần mềm để hỗ trợ cho công tác quản lý nhà trường. Trang thông tin điện tử của trường được chú ý cập nhật thông tin thường xuyên [H1-1.6-05]; [H1-1.6-16].

b) Từ năm học 2013-2014 đến nay, trường không có vi phạm nào về việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.1-02]; [H1-1.6-10].

Mức 3:

Trường chưa có kế hoạch để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

**2. Điểm mạnh**

- Nhà trường thực hiện việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản tốt.

- Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

**3. Điểm yếu**

Việc lưu trữ các loại hồ sơ chưa khoa học, chưa đầy đủ theo các năm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tập huấn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên cách thức lưu trữ, sắp xếp hồ sơ | Phó hiệu trưởng chuyên môn | Mời báo cáo viên | Tháng 12/2018 | 1.000.000 đồng |
| Tham mưu, đề xuất với cấp trên để xây dựng kế hoạch tạo nguồn tài chính hợp pháp cho trường | Hiệu trưởng | Uỷ ban nhân dân quận | Đầu năm học | Không |
| Tiếp tục triển khai và thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường, giảng dạy | Cán bộ quản lý, tổ chuyên môn | Không | Trong năm học | Không |
| Phân công nhiệm vụ cá nhân theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo trong khi thực hiện nhiệm vụ để không xảy ra vi phạm | Cán bộ quản lý, tổ chuyên môn | Không | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

*Mức 1:*

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

*Mức 2:*

*Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Thực hiện tốt việc bồi dưỡng theo kế hoạch góp phần nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ từ đó nâng cao dần chất lượng giáo dục nhà trường tuy nhiên còn một số giáo viên chưa tích cực vận dụng các phương pháp dạy học mới [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.6-11].

b) Nhà trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý. Việc phân công được công khai trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường đầu năm. Nguyên tắc phân công dựa trên cơ sở năng lực, bằng cấp của từng cá nhân, nhờ vậy nhận được sự đồng tình cao của hội đồng sư phạm và đảm bảo được hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.6-05]; [H1-1.7-02]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo đúng quy định của luật lao động; luật công chức, viên chức; được hưởng lương và các chế độ đúng theo mã ngạch và bậc của từng người trong bảng lương [H1-1.1-02]; [H1-1.6-11]; [H1-1.6-13].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá các hoạt động để từ đó làm cơ sở cho sự phân công, điều chỉnh cá nhân thực hiện. Qua đó, nhà trường phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ, góp phần hoành thành nhiệm vụ chung của trường [H1-1.6-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên: phân công hợp lý, tạo điều kiện cho học tập, bồi dưỡng, đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên chưa tích cực vận dụng các phương pháp dạy học mới.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Có kế hoạch cử giáo viên học nâng cao trình độ | Hiệu trưởng | Sắp xếp thời gian để giáo viên đi học | Theo kế hoạch của cấp trên | Theo kế hoạch cụ thể |
| Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên | Hiệu trưởng | Không | Đầu học kì | Không |
| Tăng cường công tác thi đua, khen thưởng để động viên, khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên làm việc | Cán bộ quản lý, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư chi đoàn | Không | Đầu năm học và trong các hoạt động cụ thể | Không |
| Tiếp tục thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ, chú ý đến đối tượng đảng viên trẻ để phát huy năng lực | Hiệu trưởng | Không | Theo kế hoạch | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

*Mức 1:*

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

*Mức 2:*

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện việc xây dựng kế hoạch giáo dục đầu năm học căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của sở Giáo dục và Đào tạo cũng như các văn bản của Phòng Giáo dục và Đào tạo cùng điều kiện thực tế của nhà trường. Kế hoạch giáo dục này là định hướng cho mọi hoạt động giáo dục của nhà trường trong suốt một năm học [H1-1.1-03].

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ và được đánh giá qua báo cáo sơ kết học kì I và báo cáo tổng kết năm học [H1-1.1-02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.7-03].

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá cuối học kì I và có những điều chỉnh trong học kì II nhưng việc điều chỉnh các kế hoạch chưa kịp thời [H1-1.8-01]; [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường đã đề ra một số biện pháp nhằm phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên. Tuy nhiên, hiệu quả của các biện pháp này vẫn còn một số hạn chế, chưa đạt như mong muốn [H1-1.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng tốt kế hoạch giáo dục và thực hiện đầy đủ các nội dung của kế hoạch.

**3. Điểm yếu**

Việc điều chỉnh các kế hoạch chưa kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đưa ra các biện pháp có hiệu quả nhằm phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên | Hiệu quả | Không | Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức | Không |
| Chú ý việc phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, sở trường của từng cá nhân | Hiệu trưởng | Không | Đầu năm học | Không |
| Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ các bộ phận, cá nhân | Cán bộ quản lý | Không | Theo kế hoạch | Không |
| Phân công nhiệm vụ cho cá nhân theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo các bộ phận khi thực hiện nội dung trong kế hoạch | Cán bộ quản lý, tổ chuyên môn | Không | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

*Mức 1:*

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

*Mức 2:*

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại cơ sở, tạo điều kiện cho mọi cá nhân trong hội đồng nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp để xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại đơn vị, phát huy được sức mạnh tập thể, tạo được khối đoàn kết,

nhất trí trong toàn đơn vị để thực hiện nhiệm vụ giáo dục chung [H1-1.6-04].

b) Trong các năm học qua, mọi kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đều được giải quyết đúng pháp luật; không có khiếu nại, tố cáo xảy ra tại trường [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12]; [H1-1.6-13].

c) Thực hiện nghiêm túc việc đảm bảo Quy chế Dân chủ cơ sở, các kế hoạch đều được thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của nhà trường, được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên bàn bạc, thống nhất. Tuy nhiên vẫn còn một số ít cá nhân còn e dè, chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến trong các cuộc họp [H1-1.1-02].

Nhà trường thực hiện công khai theo Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 về công khai cơ sở vật chất, công khai ngân sách đúng quy định. Hình thức công khai trên bản tin, trong họp hội đồng sư phạm, trên trang web nhà trường. Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, được tập thể bàn bạc thống nhất Quy chế Chi tiêu nội bộ của nhà trường. Trong nhiều năm qua, quy chế dân chủ được thực hiện công khai và hiệu quả [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường đã đề ra và thực hiện tốt các biện pháp nhằm đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện một cách công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12]; [H1-1.6-13]. Tất cả mọi hoạt động diễn ra trong trường đều được đưa ra bàn bạc, thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường [H1-1.6-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại đơn vị, phát huy được sức mạnh tập thể, tạo được khối đoàn kết, nhất trí trong toàn đơn vị để thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Một số ít cá nhân còn e dè, chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến trong các cuộc họp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương về quy chế dân chủ đến cán bộ, giáo viên, nhân viên | Hiệu trưởng, Bí thư chi bộ | Không | Trong các cuộc họp | Không |
| Điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện và triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả công tác này tại trường | Cán bộ, giáo viên, nhân viên | Không | Hội nghị Cán bộ, Công chức, Viên chức | Không |
| Tạo điều kiện, khuyến khích để các cá nhân mạnh dạn góp ý trong các cuộc họp | Hiệu trưởng, | Không | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

*Mức 1:*

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

*Mức 2:*

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a)Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định: phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; trường hợp đồng với cơ sở cung cấp suất ăn công nghiệp cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Nhà trường không có dịch bệnh, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm xảy ra trong những năm qua [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý đặt ở cổng trường, công khai số điện thoại của Cán bộ quản lý đến phụ huynh, công khai lịch tiếp công dân để kịp thời tiếp nhận, xử lý các thắc mắc của người dân. Nhà trường cũng luôn chú trọng việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên với các phương án, biện pháp thiết thực được xây dựng và triển khai cụ thể, phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương; phối hợp chặt chẽ với công an địa phương thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường. Tuy nhiên, trường vẫn còn tình trạng buôn bán trước cổng trường vào đầu giờ học và giờ ra về [H1-1.6-16]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

c)Thường xuyên giáo dục lối sống đạo đức cho học sinh, không có hiện tượng kỳ thị, phân biệt về giới tính, không có tình trạng bạo lực xảy ra trong nhà trường [H1-1.10-07].

Mức 2:

a) Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch nhằm phổ biến, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về những vấn đề như đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm,… [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

b) Cán bộ quản lý trường luôn tăng cường công tác kiểm tra, nắm bắt tình hình trong và ngoài trường; thường xuyên trao đổi, tiếp nhận các thông tin từ giáo viên, nhân viên, học sinh và các lực lượng giáo dục bên ngoài trường về những vấn đề có liên quan để từ đó có biện pháp kịp thời nhưng chưa có hiệu quả cao [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm hoạ thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn tình trạng buôn bán hàng rong và đậu xe trước cổng trường vào đầu và cuối giờ học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục xây dựng và thực hiện các kế hoạch, phương án phối hợp trong việc đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh,… trong trường | Cán bộ quản lý, cá nhân phụ trách | Không | Đầu năm học | Không |
| Tập huấn về phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ,… | Cán bộ, giáo viên, nhân viên | Mời báo cáo viên hướng dẫn | Tháng 8/2018 (02 buổi) | 1.000.000 đồng |
| Đề xuất với Ủy ban nhân dân Phường 12 phân công Đội bảo vệ khu phố trực trước cổng trường vào đầu và cuối giờ học. | Hiệu trưởng | Không | Trong năm học | Không |
| Tuyên truyền nhắc nhở học sinh không mua quà trước cổng trường. | Hiệu trưởng | Không | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

**Kết luận về tiêu chuẩn 1:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

- Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

- Hội đồng trường và các hội đồng khác đã thực hiện tốt chức năng,

nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, đã phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giáo dục trong nhà trường

- Nhà trường đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định; thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên: phân công hợp lý, tạo điều kiện cho học tập, bồi dưỡng, đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

- Trường thực hiện tốt việc xây dựng cơ cấu tổ chức các lớp học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học; xây dựng tốt kế hoạch giáo dục và thực hiện đầy đủ các nội dung của kế hoạch; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Nhà trường thực hiện việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản tốt; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

**Điểm yếu cơ bản:**

- Công tác rà soát, đánh giá kết quả để điều chỉnh, bổ sung chiến lược chưa được thực hiện liên tục.

- Một số ít cá nhân còn e dè, chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến trong các cuộc họp; chưa tích cực trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tỷ lệ học sinh/lớp chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 1, Điều 17 của Điều lệ trường tiểu học.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 10/10

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 0/10

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu:**

Cán bộ quản lý đạt trình độ cao đẳng và đại học sư phạm, được bồi dưỡng về quản lý giáo dục; có đủ sức khỏe, nhiệt tình, được tập thể nhà trường tín nhiệm; có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 20, Điều 21 của Điều lệ trường

tiểu học.

Nhà trường có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn. Giáo viên có tâm huyết với nghề, tay nghề chuyên môn ngày được nâng cao. Đội ngũ nhân viên đủ số lượng, được đào tạo, được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu các công việc được phân công.

Nhà trường thực hiện tuyển sinh đúng độ tuổi. Học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định của pháp luật.

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

*Mức 1:*

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

*Mức 2:*

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

*Mức 3:*

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 02 cán bộ quản lý đạt trình độ trên chuẩn đào tạo. Hiệu trưởng có thời gian giảng dạy 14 năm, 01 phó hiệu trưởng có thời gian giảng dạy 11 năm [H2-2.1-01].

b) Hằng năm, cán bộ quản lý được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận

Bình Thạnh đánh giá xuất sắc theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

c) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đạt trình độ trung cấp lí luận chính trị. Cán bộ quản lý được bồi dưỡng về quản lý giáo dục; Hiệu trưởng đã được tập huấn về công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kĩ năng công tác pháp chế ngành giáo dục [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

Mức 2:

a) Trong những năm học qua, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ và được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng từ mức khá trở lên [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

b) Cán bộ quản lý nhà trường tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định. Đồng thời, Cán bộ quản lý nhận được sự tín nhiệm cao từ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên [H2-2.1-02]; [H2-2.1-04].

Mức 3:

Cán bộ quản lý liên tục được lãnh đạo cấp trên đánh giá đạt khá trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học từ năm học 2013-2014 đến nay [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đảm bảo số năm dạy lớp theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chưa có bằng Cử nhân quản lý giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Phân công nhiệm vụ lãnh đạo nhằm phát huy năng lực, tinh thần trách nhiệm của cá nhân | Cán bộ quản lý | Không | Đầu năm học, trong các hoạt động | Không |
| Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, quản lý trường học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo | Cán bộ quản lý | Không | Trong năm học | Không |
| Triển khai và phấn đấu thực hiện để đạt mức đánh giá tốt của Chuẩn hiệu trưởng tiểu học theo tinh thần Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT | Cán bộ quản lý | Không | Trong năm học | Không |
| Tham gia lớp bồi dưỡng cử nhân quản lý giáo dục | Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | Không | Theo kế hoạch của cấp trên | Theo kế hoạch của cấp trên |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

*Mức 1:*

*a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt*

*trở lên.*

*Mức 2:*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3:*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 14 lớp trong đó có 12 lớp học 2 buổi/ngày và 02 lớp học 1 buổi/ngày. Tổng số giáo viên là 19 người gồm 14 giáo viên chủ nhiệm, 03 giáo viên bộ môn và 01 giáo viên chuyên trách giáo dục. Tỷ lệ giáo viên/lớp là 1,35 chưa đảm bảo theo quy định [H1-1.8-01].

- Trường có 01 giáo viên Thể dục, 01 giáo viên mỹ thuật, 01 giáo viên âm nhạc, 01 giáo viên nhiều môn kiêm Tổng phụ trách Đội . Trường còn thiếu 01 giáo viên Anh văn đề án[H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

b) 100% giáo viên trong nhà trường đều đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H2-2.2-03].

c) Nhà trường có 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-04].

Mức 2:

a) Số lượng giáo viên đạt trình độ trên chuẩn là 18/19 giáo viên, đạt tỷ lệ 95%. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo luôn được duy trì ổn định và tăng dần trong những năm qua [H2-2.2-03].

b) Bên cạnh đó 100% giáo viên luôn được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt khá trở lên [H2-2.2-04].

c) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp giáo viên bị kỷ luật [H1-1.1-02]; [H1-1.6-12].

Mức 3

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo chiếm đa số trong trường, đạt tỷ lệ là 94,7% [H2-2.2-03].

b) Trong những năm qua, 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên, trong đó tỷ lệ giáo viên được đánh giá đạt mức xuất sắc từ 83% trở lên [H2-2.2-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo, chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học cao.

**3. Điểm yếu**

- Tỷ lệ giáo viên/lớp là 1,35 chưa đảm bảo theo quy định; còn thiếu giáo viên Tiếng Anh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đề xuất, tham mưu với lãnh đạo cấp trên bổ sung giáo viên nhằm đảm bảo tỷ lệ giáo viên theo quy định | Hiệu trưởng | Được sự thông qua của lãnh đạo cấp trên | Tháng 3/2019 | Không |
| Phân công nhiệm vụ quan tâm, theo dõi, chỉ đạo giáo viên thực hiện nhiệm vụ | Hiệu trưởng | Không | Trong năm học | Không |
| Khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ | Cán bộ quản lý, giáo viên | Không | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Không đạt.

**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

*Mức 1:*

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

*Mức 2:*

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3:*

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện phân công giáo viên và nhân viên kiêm nhiệm để đảm bảo các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công: nhân viên văn thư kiêm quản lý trang thông tin điện tử và báo cáo điện tử, thủ quỹ; 01 giáo viên dạy nhiền môn kiêm tổng phụ trách, nhân viên y tế kiêm thư viện – thiết bị [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b)Nhân viên được phân công đều phù hợp, hợp lý theo năng lực và bằng cấp chuyên môn. Tổ văn phòng có 06 người gồm: 01 nhân viên kế toán (trình độ cao đẳng kế toán), 01 nhân viên văn thư , 01 nhân viên phụ trách y tế (có trình độ y sĩ) kiêm nhân viên thư viện-thiết bị , 01 nhân viên phục vụ, 02 nhân viên bảo vệ có trình độ văn hóa phổ thông là 9/12 [H1-1.8-01].

c) Nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm [H2-2.3-04]; [H1-1.6-13].

Mức 2:

a) Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, số lượng nhân viên kế toán, văn thư, thư viện, thiết bị, phụ trách y tế định biên là 03 người. Như vậy, trường đủ nhân sự [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp nhân viên bị xử lý kỉ luật [H1-1.1-02]; [H1-1.6-12].

Mức 3:

a) Đội ngũ nhân viên tuy được phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực chuyên môn nhưng trình độ của một số nhân viên chưa đảm bảo theo vị trí công việc như nhân viên thư viện-thiết bị chưa có chứng chỉ [H2-2.3-03]; [H2-2.2-03].

b) Đội ngũ nhân viên đều được nhà trường tạo điều kiện tham gia đầy đủ các khoá, lớp tập huấn bồi dưỡng theo vị trí việc làm [H1-1.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ nhân viên được nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

**3. Điểm yếu**

Nhân viên thư viện chưa đào tạo nghiệp vụ theo đúng chuyên ngành.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tạo điều kiện cho nhân viên văn thư, nhân viên thư viện-thiết bị học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ | Hiệu trưởng | Không | Theo kế hoạch, thông báo có liên quan | Theo trường hợp cụ thể |
| Tham mưu, đề xuất với lãnh đạo cấp trên xử lý trường hợp nhân viên dôi dư so với quy định | Hiệu trưởng | Được sự thông qua của lãnh đạo cấp trên | Tháng 5/2019 | Không |
| Hiệu trưởng tiếp tục lãnh đạo, theo dõi, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên | Hiệu trưởng | Không | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

**Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

*Mức 1:*

*a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*

*b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

*c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

*Mức 2:*

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

*Mức 3:*

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường hiện có 656 học sinh. Học sinh của trường đảm bảo độ tuổi theo quy định Điều 40 của Điều lệ trường tiểu học (từ 6 đến 14 tuổi và tính theo năm); tuổi vào học lớp 1 là 06 tuổi; không có học sinh học sớm tuổi [H2-2.4-01]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Học sinh có ý thức trách nhiệm, thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh, nghiêm túc thực hiện nội quy của nhà trường đề ra, biết tự phục vụ, tự quản và hợp tác với các học sinh khác nhưng chưa cao. Học sinh thực hiện tốt những hành vi không được làm theo Điều 41 và 42 của Điều lệ trường tiểu học [H2-2.4-02].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ trường tiểu học. Học sinh được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng. Các em được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu, được nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định như quyền trẻ em [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Học sinh được chú ý giáo dục rèn luyện và hình thành năng lực phẩm chất. Nhà trường đề ra các biện pháp nhằm kịp thời phát hiện những hành vi vi phạm của học sinh để đưa ra biện pháp giáo dục phù hợp [H1-1.1-02]; [H1-1.5-01]; [H2-2.4-02].

Mức 3:

Trong những năm qua, học sinh của trường luôn tích cực học tập, rèn luyện và đạt nhiều thành tích, góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, nâng cao chất lượng giáo dục chung [H1-1.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Học sinh của nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi quy định, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định về các hành vi học sinh không được làm.

**3. Điểm yếu**

Năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Duy trì, đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh vào tại trường | Cán bộ quản lý | Không | Đầu năm học | Không |
| Triển khai, chỉ đạo cho học sinh thực hiện tốt 05 nhiệm vụ của học sinh tiểu học | Cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội | Không | Trong năm học | Không |
| Xây dựng kế hoạch, đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức tổ chức lớp để kích thích hứng thú học tập và phát huy năng lực của học sinh | Giáo viên chủ nhiệm, bảo mẫu | Không | Trong năm học | Không |
| Xây dụng nội dung công tác chủ nhiệm cho giáo viên chủ nhiệm, chú ý phát huy năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh | Phó hiệu trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm | Không | Đầu năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2**:

**Điểm mạnh nổi bật:**

- Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đảm bảo số năm dạy lớp theo quy định và đạt xuất sắc đánh giá theo chuẩn hiệu trưởng.

- Nhà trường có tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo, chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học cao.

- Đội ngũ nhân viên được nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Học sinh đảm bảo đúng độ tuổi quy định, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định về các hành vi học sinh không được làm.

**Điểm yếu cơ bản:**

- Tỷ lệ giáo viên/lớp là 1,35 chưa đảm bảo theo quy định; còn thiếu giáo viên Anh văn.

- Nhân viên thư viện chưa đào tạo nghiệp vụ theo đúng chuyên ngành.

- Năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh chưa cao.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 3/4

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 1/4

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:**

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, tường rào, sân chơi phù hợp với điều kiện địa phương; có đủ các phòng học, đảm bảo cho học sinh học 2 buổi/ngày. Trường có 02 khu vệ sinh riêng biệt, có nơi để xe cho giáo viên và phụ huynh học sinh; có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện của trường có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo và phòng đọc sách đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh, có đủ các loại sổ sách theo quy định.

Hằng năm, trường có kế hoạch duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có; đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí về đồ dùng dạy học, thiết bị. Trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả.

**Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập**

*Mức 1:*

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*

*c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

*Mức 2:*

*a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*

*b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

*Mức 3:*

*Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Diện tích mặt bằng xây dựng của nhà trường đảm bảo theo quy định chung với khuôn viên trường có diện tích là 1134 m2. Trường sạch đẹp, có trang trí cây cảnh [H1-1.6-14]; [H3-3.1-01].

b) Cổng trường và tường rào đảm bảo an toàn, thẩm mỹ. Cổng trường rộng, có biển tên trường rõ ràng, đáp ứng theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Điều lệ trường tiểu học. Khuôn viên của trường có tường xây bảo vệ [H3-3.1-02].

c) Trường có sân chơi rộng 380 m2, chỉ chiếm 33% so với diện tích toàn trường, sân chơi cũng là sân tập thể dục cho học sinh. Sân chơi bằng phẳng và sạch đẹp [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình là 754m2, chiếm tỷ lệ 66,49% so với diện tích toàn trường. Diện tích sân chơi là 380 m2 chiếm 33,5% so với diện tích toàn trường. So với mục 4.2.3 của Tiêu chuẩn Quốc gia 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học, diện tích khuôn viên, sân chơi chưa đảm bảo theo quy định [H1-1.6-14]; [H3-3.1-03].

b) Nhà trường chưa đảm bảo diện tích, chất lượng sân chơi, sân tập cho học sinh trong giờ học thể dục và hoạt động [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Nhà trường đảm bảo trang bị cho học sinh sân chơi, sân tập, có cây xanh che bóng mát. Tuy nhiên, trường chưa trang bị thiết bị sân chơi [H1-1.6-07]; [H3-3.1-01].

**2. Điểm mạnh**

- Trường có khuôn viên riêng biệt, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có trang trí cây cảnh và cảnh quan môi trường tốt; cổng trường khang trang đúng quy định.

- Sân trường sạch, an toàn.

**3. Điểm yếu**

Diện tích sân chơi còn hạn chế chưa đáp ứng với số học sinh toàn trường, chưa có sân riêng dành cho tập thể dục thể thao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Khảo sát, lập kế hoạch cải tạo khuôn viên, giảm sỉ số học sinh, trang bị thiết bị cho sân chơi, sân tập | Hiệu trưởng, cá nhân phụ trách | Duyệt của lãnh đạo cấp trên | Tháng 8/2018 | Theo khảo sát thực tế |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

**Tiêu chí 3.2: Phòng học**

*Mức 1:*

*a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*

*b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*

*c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

*Mức 2:*

*a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*

*c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

*Mức 3:*

*Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số phòng học để đảm bảo mỗi lớp đều có phòng học riêng. Mỗi phòng học được đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học. Nhà trường đảm bảo trang trí lớp đúng quy định như ảnh Bác, bảng 5 điều Bác Hồ dạy, bảng chữ cái, bảng trích thư Bác Hồ gửi học sinh, bản đồ Việt Nam, góc sản phẩm cho mỗi phòng học [H1-1.6-07].

b)Trường có đầy đủ bàn, ghế rời đúng chuẩn cho học sinh ngồi học nhưng bàn ghế học sinh chưa đồng bộ về kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng; Bàn có bố trí chỗ đựng đồ dùng học tập, ghế có tựa sau phù hợp với lứa tuổi học sinh. Trường chưa có bàn ghế dành riêng cho trẻ khuyết tật tuy nhiên học sinh khuyết tật tại trường chỉ là khuyết tật về trí tuệ không có em nào khuyết tật về thể hình; bảng lớp đảm bảo đúng theo quy định [H3-3.2-01]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-02]; [H1-1.6-07].

c)Mỗi phòng học đều có hệ thống đèn quạt, tủ đựng hồ sơ và thiết bị dạy học [H1-1.6-07].

Mức 2:

a) Nhà trường có 14 phòng học với với tổng diện tích các phòng học là 672 m2, bình quân là 1,06m2/học sinh. Đối chiếu theo mục 5.2.3 TCVN 8793:2011 về diện tích phòng học được xác định với tiêu chuẩn 1,25 m2/học sinh và số lượng sĩ số học sinh hiện nay thì diện tích phòng học chưa đảm bảo theo quy định [H1-1.6-07].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ tủ đựng thiết bị dạy học cho giáo viên trong mỗi phòng học [H3-3.2-02].

c) Các yêu cầu quy định về kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng và màu sắc bàn ghế học sinh trong lớp đều được nhà trường đảm bảo đầy đủ [H3-3.2-02].

Mức 3:

Hiện nay, nhà trường chưa có phòng học bộ môn; chưa đáp ứng có phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mĩ thuật, khoa học và ngoại ngữ

[H3-3.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo cơ bản theo quy định Thông tư

liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa có phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mĩ thuật, khoa học và ngoại ngữ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tham mưu, đề xuất với lãnh đạo cấp trên phân tuyến tuyển sinh nhằm giảm dần số lượng học sinh để đảm bảo diện tích bình quân cho mỗi học sinh | Hiệu trưởng | Được lãnh đạo cấp trên thông qua | Đầu năm học | Không |
| Khảo sát, lập kế hoạch cải tạo khuôn viên xây dựng của trường cho các phòng bộ môn | Hiệu trưởng, cá nhân phụ trách | Được lãnh đạo cấp trên thông qua | Trong năm học | Không |
| Khảo sát, trang bị bàn ghế đồng bộ | Hiệu trưởng, nhân viên thiết bị | Không | Trong năm học | Theo khảo sát |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

**Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị**

*Mức 1:*

*a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;*

*b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

*c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

*Mức 2:*

*a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.*

*Mức 3:*

*Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiện nay, trường có phòng thư viện-thiết bị 38 m2 , chưa trang bị phòng tin học , vẫn còn thiếu phòng giáo dục nghệ thuật, phòng truyền thống và hoạt động Đội [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

b) Khối phòng hành chính - quản trị của trường gồm có: phòng hiệu trưởng 15 m2, 01 phòng phó hiệu trưởng 10 m2, phòng hành chính 16 m2, phòng y tế 16 m2. Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý; trường còn thiếu phòng giáo viên [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

c) Nhà trường có nơi để xe cho giáo viên, nhân viên với diện tích 36m2, được đặt ở vị trí thuận tiện. Khu để xe an toàn, thực hiện tốt khâu bảo vệ trong việc bảo quản xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Diện tích văn phòng và các phòng chức năng chưa đảm bảo theo quy định của Tiêu chuẩn Quốc gia 8793:2011 [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

b) Hồ sơ, tài liệu, các văn bản đều được lưu trữ cẩn thận trong tủ hồ sơ [H3-3.2-01].

Mức 3:

Nhà trường chú ý trang bị đầy đủ các trang thiết bị cho khối phòng phục vụ học tập, hành chính - quản trị; đáp ứng tốt việc hoạt động và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động của nhà trường [H3-3.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý.

**3. Điểm yếu**

- Trường còn thiếu các phòng truyền thống, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo viên.

- Diện tích các phòng chức năng chưa đảm bảo theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xây dựng kế hoạch chuyển đổi công năng các phòng chức năng để đáp ứng yêu cầu phục vụ cho hoạt động học tập | Hiệu trưởng |  | Tháng 5/2019 | Không |
| Sắp xếp, bố trí lại các phòng chức năng để đảm bảo yêu cầu, phù hợp với tình hình thực tế | Cán bộ quản lý, nhân viên thiết bị | Không | Tháng 6/2019 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Không đạt.

**Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

*Mức 1:*

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

*Mức 2:*

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 2 khu vệ sinh riêng cho giáo viên (1 nam, 1 nữ), có 3 khu vệ sinh riêng cho học sinh (3 nam, 3 nữ) theo đúng quy cách đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh. Các nhà vệ sinh được đặt tại vị trí phù hợp với cảnh quan của trường; an toàn, thuận tiện và luôn đảm bảo sạch sẽ, trang trí đẹp [H3-3.4-01].

b) Hệ thống thoát nước của trường luôn thông thoáng, đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường sử dụng hệ thống nước máy do Công ty Cấp nước Thành phố cung cấp; sử dụng nước uống của Công ty Nước Thanh Thanh, đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ cho ăn uống, nhu cầu sử dụng hàng ngày, đảm bảo an toàn vệ sinh theo quy định cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-02].

c) Việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Mỗi phòng học, phòng làm việc và sân trường đều bố trí các sọt đựng rác có nắp đậy. Vị trí thu gom, xử lý, vận chuyển rác chung của toàn trường được bố trí cách biệt với các khu vực khác tuy nhiên chưa được che chắn riêng biệt. Rác thu gom được xử lý hàng ngày [H3-3.4-03].

Mức 2:

a) Tổng diện tích khu vực vệ sinh là 70 m2 đảm bảo yêu cầu tại mục 5.6.2 của Tiêu chuẩn Quốc gia 8793:2011 về yêu cầu diện tích tối thiểu nhà vệ sinh cho học sinh. Đồng thời, các yêu cầu khác về số lượng hố xí, chậu tiểu, bồn rửa cũng đảm bảo với yêu cầu [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

b) Nhà trường sử dụng hệ thống nước thuỷ cục do công ty cấp nước Gia Định. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đều đáp ứng theo quy định [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

**2. Điểm mạnh**

Trường có hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh sạch sẽ, thu gom rác an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường.

**3. Điểm yếu**

Khu vực thu gom rác chưa được che chắn riêng biệt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Khảo sát, xây dựng kế hoạch duy trì, tu bổ các công trình vệ sinh và hệ thống thoát nước | Hiệu trưởng, nhân viên thiết bị | Thực hiện khảo sát để nắm hiện trạng | Tháng 7/2019 | Theo khảo sát để đề xuất |
| Thường xuyên kiểm tra hệ thống nước, nhà vệ sinh, khu vực thu gom rác | Phó hiệu trưởng, cá nhân phụ trách | Không | Định kì 01 lần/tháng | Không |
| Có kế hoạch che chắn khu vực thu gom rác nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường | Hiệu trưởng | Không | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

*Mức 1:*

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

*Mức 2:*

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

*Mức 3:*

*Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường trang bị đầy đủ các loại máy văn phòng như: máy tính kết nối mạng internet, máy in, máy photo,... phục vụ đầy đủ, kịp thời các hoạt động giáo dục, công tác quản lý nhà trường [H3-3.5-01]; [H1-1.5-06].

b) Góc thiết bị đặt tại phòng thư viện với đầy đủ các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bộ đồ dùng dạy học do kinh phí cấp được đưa lên từng lớp học cho giáo viên sử dụng. Giáo viên thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học trên lớp và tích cực làm đồ dùng dạy học. Nhiều đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên chưa được cập nhật đầy đủ vào sổ tài sản thiết bị dạy học. Trường trang bị đầy đủ đồ dùng dạy học tối thiểu và tủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

c) Hằng năm, trường thực hiện nghiêm túc việc kiểm kê, nâng cấp và bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học [H3-3.5-02], [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà trường, hoạt động dạy học; nhà trường đã trang bị hệ thống máy tính có kết nối Internet [H3-3.5-01].

b) Nhà trường chú ý trang bị các thiết bị dạy học theo danh mục quy định, đảm bảo yêu cầu tối thiếu theo quy định. Tuy nhiên, số lượng thiết bị dạy học chưa nhiều để đảm bảo việc giảng dạy của nhiều giáo viên cùng một lúc [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

c) Nhân viên thiết bị thường xuyên thực hiện việc kiểm kê, đánh giá tình trạng sử dụng; để từ đó có đề xuất với Cán bộ quản lý về việc mua sắm, bổ sung trang thiết bị, phương tiện dạy học nhằm đảm bảo hoạt động của trường [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Mức 3:

Nhà trường luôn khuyến khích giáo viên tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục [H1-1.4-06]; [H3-3.2-01]; [H3-3.5-03].

**2. Điểm mạnh**

Giáo viên thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học trên lớp và tích cực làm đồ dùng dạy học. Trường trang bị đầy đủ đồ dùng dạy học tối thiểu và tủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**3. Điểm yếu**

Nhiều đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên chưa được cập nhật đầy đủ vào sổ tài sản thiết bị dạy học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Vận động Cha mẹ học sinh hỗ trợ việc trang bị các thiết bị phục vụ cho việc dạy học | Cán bộ quản lý, Hội Cha mẹ học sinh | Thống nhất của Hội Cha mẹ học sinh | Tháng 8/2019 | Theo khảo sát hiện trạng |
| Khuyến khích giáo viên sử dụng bảng tương tác, tự làm đồ dùng dạy học | Cán bộ quản lý, giáo viên | Không | Trong năm học | Không |
| Tham mưu đề xuất trang bị thêm bảng tương tác | Hiệu trưởng | Được lãnh đạo cấp trên duyệt | Trong năm học | 50% xã hội hóa giáo dục |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 3.6: Thư viện**

*Mức 1:*

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các sách tham khảo.*

*Mức 2:*

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

*Mức 3:*

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thư viện được nhà trường chú ý bố trí, trang bị các đầu sách nhằm phục vụ nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện có tủ sách đựng báo, sách giáo khoa, sách tham khảo, sách pháp luật, truyện thiếu nhi,... [H3-3.6-01].

b) Thư viện có kế hoạch, nội dung hoạt động phù hợp, mở cửa thường xuyên đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; Hằng năm, thư viện tổ chức triển lãm trưng bày sách mới, ngày hội đọc sách, Hội thi làm đồ dùng dạy học; Giáo viên chủ nhiệm vận động học sinh đóng góp sách, truyện,... tạo thêm sự phong phú, đa dạng cho hoạt động thư viện, thu hút cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đến đọc và tham khảo nhưng học sinh chưa tích cực trong phong trào đóng góp sách cũ và truyện cho thư viện, tỉ lệ học sinh tham gia đóng góp chỉ đạt 65% [H3-3.5-05]; [H3-3.6-02].

c) Hằng năm, nhà trường trích ngân sách Nhà nước mua thêm sách, báo, truyện và tài liệu tham khảo để bổ sung cho tủ sách thư viện [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện trường được xếp loại thư viện Tiên tiến 05 năm [H3-3.6-05].

Mức 3:

Thư viện trường được xếp loại thư viện Tiên tiến. Nhà trường chú ý trang bị hệ thống Internet cho thư viện nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.5-03]; [H3-3.6-05].

**2. Điểm mạnh**

Thư viện thường xuyên chú trọng việc bổ sung nhiều tài liệu, sách báo nhân viên và học sinh.

**3. Điểm yếu**

Học sinh chưa tích cực trong phong trào đóng góp sách cũ và truyện cho thư viện.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xây dụng kế hoạch bổ sung sách, báo, trang thiết bị cho thư viện | Nhân viên thư viện | Được Hiệu trưởng duyệt | Tháng 8/2019 | Theo đề xuất |
| Giới thiệu các tác phẩm văn học, truyện lịch sử, danh nhân Việt Nam | Nhân viên thư viện | Không | Tuần đầu tiên của tháng | Không |
| Xây dụng kế hoạch thư viện trường học đạt mức xuất sắc năm | Hiệu trưởng, nhân viên thư viện | Không | Tháng 11/2019 | Theo khảo sát thực tế |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

- Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo cơ bản theo quy định Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT.

- Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý.

- Trường có hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh sạch sẽ riêng biệt, thu gom rác, an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Giáo viên thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học trên lớp và tích cực làm đồ dùng dạy học. Trường trang bị đầy đủ đồ dùng dạy học tối thiểu và tủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thư viện trường được công nhận đạt Tiên tiến

**Điểm yếu cơ bản:**

- Diện tích sân chơi còn hạn chế chưa đáp ứng với nhu cầu học sinh toàn trường, chưa có sân riêng dành cho tập thể dục thể thao.

- Bàn ghế học sinh chưa đồng bộ.

- Trường còn thiếu các phòng truyền thống, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo viên.

- Diện tích các phòng chức năng chưa đảm bảo theo quy định.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 5/6

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 1/6

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:**

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Nhà trường chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục; nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời. Từ đó, trường đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Nhà trường có tổ chức Ban đại diện Cha mẹ học sinh và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

Nhà trường luôn chấp hành theo sự lãnh đạo của Đảng ủy Phường 11; phối hợp tốt với Ủy ban nhân dân, các đoàn thể Phường 11 quận Bình Thạnh tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giáo dục học sinh.

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

*Mức 1:*

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

*Mức 2:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

*Mức 3:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ Ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường và của từng lớp, được bầu ra vào đầu năm học [H4-4.1-01].

- Ban đại diện Cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện Cha mẹ học sinh có kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể trong năm học. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động. Cuối mỗi học kì, giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh trao đổi thông tin đầy đủ về tình hình học tập, đạo đức và các hoạt động khác của từng học sinh thông qua sổ liên lạc [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh thực hiện tốt việc phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục cho học sinh của trường; hỗ trợ nhà trường trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chủ trương, chính sách về giáo dục cho cha mẹ học sinh; huy động, vận động học sinh tích cực học tập. Các hoạt động do Ban đại diện Cha mẹ học sinh tổ chức, phối hợp đã mang lại kết quả cao; góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị chung. Tuy nhiên, Ban đại diện Cha mẹ học sinh ở một vài lớp chưa thật sự chủ động phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm [H1-1.1-02]; [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường, với chính quyền địa phương nhằm bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, tạo môi trường sự phạm lành mạnh; góp phần giúp nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.1-02]; [H4-4.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, có sự thống nhất kế hoạch và hoạt động hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Ban đại diện Cha mẹ học sinh ở một vài lớp chưa thật sự chủ động phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh và chính quyền địa phương | Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh | Có sự thống nhất giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương | Tháng 8/2018 | Không |
| Triển khai cho giáo viên các lớp giới thiệu cha mẹ học sinh đáp ứng các yêu cầu để bầu chọn Ban đại diện cha mẹ học sinh | Cán bộ quản lý, hiệu trưởng, giáo viên | Không | Tháng 9/2018 | Không |
| Xây dựng kế hoạch nhằm thu hút phụ huynh chủ động tham gia vào các hoạt động của trường | Cán bộ quản lý, giáo viên | Không | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

*Mức 1:*

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

*Mức 2:*

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

*Mức 3:*

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường luôn tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, ngoài ra còn tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 11 để thành lập Hội đồng giáo dục. Hàng tháng, Chi bộ, cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên báo cáo, trao đổi về kế hoạch và các biện pháp hoạt động giáo dục cụ thể của nhà trường với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 11 [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

b) Nhà trường thường xuyên phối hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương như: Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Công an,... trong việc giáo dục đạo đức học sinh, vận động học sinh nghỉ học ra lớp, tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa khác như: sinh hoạt truyền thống các ngày lễ lớn, phối hợp với công an phường đăng ký nhà trường “An toàn về an ninh trật tự”, phối hợp với Ban chấp hành Đoàn phường tổ chức Lễ hội trăng rằm và sinh hoạt hè cho các em thiếu nhi... Sự phối hợp trên đã đem lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục học sinh [H1-1.1-01]; [H4-4.1-02].

c) Nhà trường huy động sự hỗ trợ tự nguyện cả về tinh thần, vật chất của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục của giáo viên và học sinh, phát triển nhà trường như: sửa chữa bàn, ghế, mua sắm đèn, quạt, đầu tư thêm các loại sách tại thư viện,... Vì thế, cơ sở vật chất nhà trường và khung cảnh sư phạm luôn được tu bổ khang trang, sạch đẹp. Tuy nhiên, nguồn kinh phí vận động còn hạn chế nên chưa chăm lo kịp thời học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với cấp uỷ Đảng, chính quyền trong việc tạo điều kiện thực hiện nhiệm vụ. Cán bộ quản lý nhà trường luôn thực hiện việc xin ý kiến chỉ đạo và triển khai thực hiện các hoạt động đã được thông qua nhằm đảm bảo tính thống nhất [H1-1.6-04]; [H4-4.2-02].

b) Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể thực hiện việc giáo dục cho học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức lối sống,… Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động thu hút học sinh tham gia [H1-1.1-02]; [H1-1.3-08]; [H1-1.6-13].

Mức 3:

Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác tham mưu cấp uỷ Đảng, chính

quyền để tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động của trường. Từ những kết quả đã đạt được, nhà trường đang phấn đấu việc xây dựng trở thành trung tâm văn hoá, giáo dục của địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ, chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể của địa phương trong việc thực hiện các hoạt động giáo dục và phát triển nhà trường; kịp thời khen thưởng động viên học sinh vươn lên trong học tập, rèn luyện.

**3. Điểm yếu**

Nguồn kinh phí vận động còn hạn chế nên chưa chăm lo được nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Huy động có hiệu quả các nguồn lực để chăm lo tốt cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn | Hiệu trưởng, Chi hội Khuyến học | Phối hợp với các nguồn lực giáo dục trong và ngoài trường | Trong năm học | Không |
| Xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường, các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường | Hiệu trưởng | Có sự thống nhất với các lực lượng giáo dục khác | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Kết luận về tiêu chuẩn 4:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

- Nhà trường xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh, hỗ trợ cơ sở vật chất.

- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch; huy động được các nguồn lực về tinh thần, vật chất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**Điểm yếu cơ bản:**

Việc huy động kinh phí tự nguyện từ các tổ chức cá nhân còn hạn chế.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 2/2

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 0/2

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu:**

Trong những năm qua, nhà trường đã thực hiện đầy đủ theo chương trình và kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Các hoạt động giáo dục trên lớp luôn được quan tâm kết hợp với các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và từng bước triển khai thực hiện có hiệu quả. Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh phản ánh đúng mục tiêu giáo dục. Nhà trường còn tổ chức tuyên truyền giáo dục sức khoẻ cho học sinh qua các buổi sinh hoạt dưới cờ và được dạy lồng ghép qua các buổi học chính khoá. Chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng cao. Nhà trường quan tâm đến giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, tạo cơ hội để học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo.

**Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường**

*Mức 1:*

*a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

*b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*

*c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

*Mức 2:*

*a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

*b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, đảm bảo thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục phổ thông và các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục. Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện bản thân [H1-1.1-03]; [H5-5.1-01].

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch; ngoài giáo dục về văn hóa, nhà trường chú trọng các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, thể dục tự chọn, mĩ thuật nâng cao vào buổi học thứ hai trong ngày giúp học sinh có cơ hội để phát triển toàn diện bản thân. [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02].

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường đã được giải trình và Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1-03]; [H1-1.4-13].

Mức 2:

a) Trường luôn triển khai các thông tin mới, thông tin cập nhật của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường được biết và thực hiện [H1-1.1-02]; [H1-1.6-04].

b) Nhà trường thực hiện việc niêm yết công khai nội dung, kế hoạch trong phòng Hội đồng để giáo viên theo dõi; các kế hoạch giáo dục, kế hoạch chuyên môn của trường được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh biết và cùng nhà trường thực hiện kế hoạch [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.6-04].

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện bản thân.

**3. Điểm yếu**

Không có

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xây dựng và thực hiện quy trình thực hiện các công việc nhằm đảm bảo tiến độ thời gian, nhất là công tác trình duyệt văn bản với cấp trên | Cán bộ quản lý, nhân viên văn thư | Không | Trong năm học | Không |
| Duy trì việc phổ biến nội dung kế hoạch, chương trình hoạt động cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh nắm và cùng nhà trường phối hợp thực hiện | Cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm, nhân viên văn thư | Không | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học**

*Mức 1:*

*a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dụcđảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;*

*c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.*

*Mức 2:*

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

*Mức 3:*

*Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục, xây dựng thời khoá biểu, dạy đủ, đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với tình hình của lớp và tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, đảm bảo tính ổn định trong cả học kỳ, cả năm học. Giáo viên dạy đủ các môn học, không bỏ tiết, bỏ bài, dạy đúng chương trình, kế hoạch; Các hoạt động giáo dục của nhà trường đảm bảo mục tiêu giáo dục. Các đoàn thể trong nhà trường cùng phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục, tạo môi trường hoạt động tập thể vui chơi lành mạnh và bổ ích cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tạo được uy tín và niềm tin đối với ngành giáo dục, địa phương và cha mẹ học sinh [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.2-01].

b) Giáo viên biết sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học tích cực như phương pháp dạy học cá thể hóa, kĩ thuật dạy học hợp tác, phương pháp bàn tay nặn bột, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Tuy nhiên vẫn còn một vài giáo viên lớn tuổi lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức chưa phù hợp nên chưa khơi gợi và phát huy hết tính chủ động, sáng tạo của học sinh [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02].

c)Nhà trường thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.2-02].

Mức 2:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục và thực hiện những nội dung đã đề ra. Đồng thời, trường triển khai cho toàn thể giáo viên lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp, chú ý đến từng đối tượng nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục [H1-1.1-02]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Nhà trường có kế hoạch, đề ra các biện pháp nhằm kịp thời phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu. Bên cạnh đó, trường thường xuyên chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm chú ý theo dõi, quan sát học sinh để phát hiện học sinh yếu kém để thực hiện công tác phụ đạo, bồi dưỡng học sinh; thường xuyên trao đổi với cha mẹ học sinh về tình hình học tập của học sinh để có biện pháp giáo dục kịp thời [H5-5.2-03].

Mức 3:

Trong các buổi họp Hội đồng sư phạm định kì, nhà trường thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện, phát hiện những hạn chế còn tồn tại cũng như nguyên nhân; để từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Qua đó, trường luôn duy trì và nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Chất lượng giáo dục, tạo được uy tín và niềm tin đối với ngành giáo dục, địa phương và cha mẹ học sinh.

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn một vài giáo viên lớn tuổi lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức chưa phù hợp nên chưa khơi gợi, phát huy hết tính chủ động, sáng tạo của học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục triển khai đến giáo viên những nội dung trong công tác giáo dục, chú ý đến việc giáo dục từng đối tượng | Cán bộ quản lý | Không | Buổi họp Hội đồng sư phạm | Không |
| Xây dựng và thực hiện kế hoạch dự giờ | Phó hiệu trưởng | Không | Trong năm học | Không |
| Khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy | Phó hiệu trưởng, giáo viên | Không | Trong năm học | Không |
| Thực hiện chuyên đề các phương pháp dạy học hiện đại | Phó hiệu trưởng | Không | Tháng 2/2019 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác**

*Mức 1:*

*a) Đảm bảo theo kế hoạch;*

*b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*

*c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

*Mức 2:*

*Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.*

*Mức 3:*

*Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường đều xây dựng và đảm bảo thực hiện theo kế hoạch các hoạt động giáo dục khác nhằm tạo điều kiện cho học sinh được phát triển toàn diện [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

- Hàng năm, trường xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, có chương trình và phân công cụ thể [H5-5.3-04].

b) Trường đã tổ chức các hoạt động giáo dục khác cho học sinh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh và phù hợp với điều kiện nhà trường theo từng chủ điểm như: múa dân vũ, võ Vovinam, hội khỏe Phù Đổng, giáo dục vệ sinh răng miệng, văn nghệ, vẽ tranh, tham quan Bến Nhà Rồng, Bảo tàng Tôn Đức Thắng, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Hồ Chí Minh, thăm hỏi, tặng quà cho gia đình Mẹ Việt Nam anh hùng đang cư ngụ tại quận Bình Thạnh,… [H5-5.3-05]; [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02].

c) Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động, để đảm bảo việc tham gia của học sinh. Tất cả các hoạt động giáo dục đều có học sinh tham gia, nhưng số lượng học sinh tham gia chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước, Mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc di tích lịch sử, công trình văn hoá ở địa phương chưa đạt 100% [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Thông qua việc tổ chức các hoạt động, học sinh được tạo cơ hội tham gia rèn luyện kĩ năng một cách tích cực, chủ động, có hiệu quả [H5-5.3-01]; [H5-5.3-04].

Mức 3:

Nhà trường chú ý đến nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động nhằm thu hút sự tham gia, rèn luyện của học sinh; từ đó phát huy năng lực, sở trường của học sinh. Trường thành lập và duy trì các câu lạc bộ để học sinh tham gia rèn luyện [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H5-5.3-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục khác với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh.

**3. Điểm yếu**

*-* Số lượng học sinh tham gia sinh hoạt ngoài nhà trường còn ít.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục duy trì hoạt động các câu lạc bộ | Hiệu trưởng, cá nhân phụ trách | Không | Trong năm học | Không |
| Xây dựng và thực hiện chương trình, tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh nhằm thu hút học sinh tham gia, rèn luyện | Phó hiệu trưởng, cá nhân phụ trách | Không | Tháng 9/2018, trong năm học | Theo kế hoạch cụ thể |
| Trao đổi với cha mẹ học sinh vận động, khuyến khích, tạo điều kiện để học sinh tham gia các hoạt động rèn luyện | Giáo viên chủ nhiệm | Không | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1

**Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học**

*Mức 1:*

*a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*

*b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*

*c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

*Mức 2:*

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.*

*Mức 3:*

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a)Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, tuyên truyền cha mẹ đưa con ra lớp. Nhà trường có xây dựng và thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trên cơ sở số liệu, thông tin nắm được tại địa phương. Tuy nhiên, trường còn trường hợp học sinh có nguy cơ nghỉ bỏ học do tác động từ điều kiện kinh tế gia đình [H5-5.4-01]; [H1-1.6-02]; [H5-5.4-02]

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, kết hợp với chính quyền địa phương huy động, lập danh sách và tổ chức tiếp nhận 100% học sinh đúng độ tuổi vào lớp 1 theo quy hoạch trên địa bàn, theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Ủy ban nhân dân Phường 11 quận Bình Thạnh. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% [H1-1.1-03].

- Trường tích cực quan tâm, hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật được đến trường học tập.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thành lập Ban tuyển sinh theo từng năm học [H5-5.4-03].

c) Hồ sơ phổ cập giáo dục tiểu học được quản lý, lưu trữ đầy đủ [H1-1.6-02]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

Mức 2:

Trong những năm qua, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường luôn đạt 90% [H1-1.1-02]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

Mức 3:

Nhà trường luôn thực hiện tốt việc duy trì tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường đạt 90% [H1-1.1-02]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

**2. Điểm mạnh**

- Nhà trường tham gia và thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; tổ chức và thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường"; tích cực quan tâm, hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật được đến trường học tập.

**3. Điểm yếu**

Không có

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng giáo dục khác để thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học | Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh | Có sự thống nhất với các lực lượng giáo dục khác | Tháng 9/2018 | Không |
| Xây dựng, thực hiện tốt việc chăm lo cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn | Hiệu trưởng | Không | Tháng 8/2018 | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

**Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục**

*Mức 1:*

*a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;*

*b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;*

*c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.*

*Mức 2:*

*a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;*

*b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

*Mức 3:*

*a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;*

*b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có thống kê kết quả học tập và rèn luyện của học sinh sau mỗi học kỳ và cuối năm. Các số liệu thống kê đầy đủ, chính xác theo từng khối lớp và toàn trường theo đúng quy định. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên 95% (từ năm học 2014-2015 thực hiện theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT không xếp loại học sinh). Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững, đáp ứng mục tiêu giáo dục hằng năm.

Trường vẫn còn một số học sinh không đủ điều kiện hoàn thành chương trình lớp học, phải được giáo viên rèn luyện trong hè; tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học là 1,09% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

c) Từ năm học 2013-2014 đến nay, tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi tại trường hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 100% [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua đạt trên 95% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Bên cạnh đó, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo là 100% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua luôn đạt trên 95% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo là 100% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

**2. Điểm mạnh**

Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững, đáp ứng mục tiêu giáo dục hằng năm.

**3. Điểm yếu**

Tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học là 1,1%.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| **Công việc**  **cần thực hiện** | **Người**  **thực hiện** | **Điều kiện**  **để thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Dự kiến**  **kinh phí** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Triển khai giáo viên thực hiện đầy đủ các nội dung chuyên môn, nhất là việc theo dõi giúp đỡ các học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học | Phó hiệu trưởng | Không | Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn | Không |
| Xây dựng kế hoạch dự giờ, thăm lớp | Phó hiệu trưởng | Không | Trong năm học | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Kết luận về tiêu chuẩn 5:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện bản thân.

- Nhà trường có xây dựng kế hoạch tạo điều kiện cho học sinh phát

triển toàn diện, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục khác với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh; thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

- Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững, đáp ứng mục tiêu giáo dục hằng năm.

**Điểm yếu cơ bản:**

- Vẫn còn một vài giáo viên lớn tuổi lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức chưa phù hợp nên chưa khơi gợi, phát huy hết tính chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Số lượng học sinh tham gia một vài hoạt động ngoại khóa chưa đạt 100%.

- Tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học là 1,1%.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 5/5

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 0/5

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

*-* Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 25/27 Tỷ lệ: 92,59%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 2/27 Tỷ lệ: 7,41%

*-* Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 14/27 Tỷ lệ: 51,85%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 13/27 Tỷ lệ: 48,15%

*-* Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 7/19 Tỷ lệ: 36,84%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 12/19 Tỷ lệ: 63,16%

- Mức đánh giá của trường: Chưa đạt Mức 1.

- Trường Tiểu học Phan Văn Trị không đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

- Các kết luận khác: Không có.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Bình Thạnh, ngày 22 tháng 02 năm 2019*  **HIỆU TRƯỞNG**  **Dương Thị Nhung** |

**Phần IV PHỤ LỤC**

**DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**

| **Tiêu chí** | **SốTT** | **Mã**  **minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí 1.1** | 1 | [H1-1.1-01] | Kế hoạch chiến lược phát triển trường tiểu học Phan Văn Trị giai đoạn 2011-2015  Kế hoạch chiến lược phát triển trường tiểu học Phan Văn Trị giai đoạn 2016-2020 | Số 30 /KH-PVT ngày 20 tháng 4 năm 2012  Số 83/KH-PVT ngày 22 tháng 9 năm 2016 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.1-02] | Báo cáo tổng kết năm học | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.1-03] | Kế hoạch năm học | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.1-04] | Văn kiện Đại hội Chi bộ | Nhiệm kì 2013-2015  Nhiệm kì 2015-2017 | Chi bộ | Bí thư chi bộ |
| **Tiêu chí 1.2** | 1 | [H1-1.2-01] | Quyết định thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2012-2017  Quyết định thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2018-2023 | Số101/QĐ-GDĐT ngày18/12/2012  Số 20-35/QĐ-GDĐT ngày16/03/2018 | Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.2-02] | Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua khen thưởng | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.2-03] | Quyết định thành lập Hội đồng Tư vấn | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.2-04] | Biên bản họp của Hội đồng trường | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hội đồng trường | Thư kí Hội đồng trường |
| **Tiêu chí 1.3** | 1 | [H1-1.3-01] | Quyết định thành lập Chi bộ Trường Tiểu học Phan Văn Trị | Số 18-QĐ/ĐU ngày 23 tháng 10 năm 2006 | Đảng ủy Phường 11 | Bí thư chi bộ |
| 2 | [H1-1.3-02] | Quyết định công nhận Ban chấp hành Công đoàn | Số 96/QĐ-CĐGD ngày 24tháng 8 năm 2017 | Công đoàn Giáo dục quận Bình Thạnh | Chủ tịch CĐCS |
| 3 | [H1-1.3-03] | Quyết định công nhận Ban chấp hành Chi đoàn | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Ban chấp hành Đoàn Phường 12 | Bí thư chi đoàn |
| 4 | [H1-1.3-04] | Quyết định thành lập Ban Chỉ huy Liên đội | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hội đồng Đội quận Bình Thạnh | Tổng phụ trách |
| 5 | [H1-1.3-05] | Quyết định thành lập Sao Nhi đồng | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Tổng phụ trách |
| 6 | [H1-1.3-06] | Quyết định thành lập Ban chấp hành Chi hội Khuyến học Phan Văn Trị |  | Hội Khuyến học Phường 11 | Hiệu trưởng |
| 7 | [H1-1.3-07] | Biên bản sinh hoạt Chi bộ | Năm 2013-2014  Năm 2014-2015  Năm 2015-2016  Năm 2016-2017  Năm 2017-2018 | Chi bộ | Bí thư chi bộ |
| 8 | [H1-1.3-08] | Báo cáo tổng kết công tác Đảng và phương hướng | Năm 2013-2014  Năm 2014-2015  Năm 2015-2016  Năm 2016-2017  Năm 2017-2018 | Chi bộ | Bí thư chi bộ |
| 9 | [H1-1.3-09] | Quyết định đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng | Năm 2013-2014  Năm 2014-2015  Năm 2015-2016  Năm 2016-2017  Năm 2017-2018 | Đảng uỷ Phường 11 | Bí thư chi bộ |
| 10 | [H1-1.3-10] | Hình ảnh hoạt động của Công đoàn | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Công đoàn cơ sở trường | Chủ tịch Công đoàn cơ sở |
| 11 | [H1-1.3-11] | Hình ảnh hoạt động của Chi đoàn, Liên đội | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Chi đoàn  Liên đội | Bí thư chi đoàn  Tổng phụ trách Đội |
| 12 | [H1-1.3-12] | Quyết định đánh giá, phân loại của Công đoàn cơ sở, Chi đoàn và Liên đội | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Công đoàn cơ sở  Chi đoàn  Liên đội | Chủ tịch Công đoàn cơ sở  Bí thư chi đoàn  Tổng phụ trách Đội |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | [H1-1.4-01] | Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng  Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng | Tháng 10 năm 2017  Năm 2018 | Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.4-02] | Quyết định phân công tổ chuyên môn, tổ văn phòng | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.4-03] | Quyết định phân công tổ trưởng chuyên môn và tổ trưởng, tổ phó tổ văn phòng | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.4-04] | Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên văn thư | Nhân viên văn thư |
| 5 | [H1-1.4-05] | Kế hoạch hoạt động theo năm, tháng , tuần của tổ chuyên môn và tổ văn phòng | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Tổ trưởng chuyên môn | Phó hiệu trưởng chuyên môn |
| 6 | [H1-1.4-06] | Biên bản họp tổ chuyên môn | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Tổ trưởng chuyên môn | Phó hiệu trưởng chuyên môn |
| 7 | [H1-1.4-07] | Biên bản họp tổ văn phòng | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Tổ trưởng tổ văn phòng | Nhân viên văn thư |
| 8 | [H1-1.4-08] | Sổ bồi dưỡng chuyên môn giáo viên | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Giáo viên | Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn |
| 9 | [H1-1.4-09] | Sổ sử dụng thiết bị của giáo viên | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Giáo viên | Nhân viên Thư viện - thiết bị |
| 10 | [H1-1.4-10] | Hồ sơ chuẩn nghề nghiệp giáo viên | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 11 | [H1-1.4-11] | Biên bản kiểm tra tài chính (TRÙNG | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phòng tài chính quận Bình Thạnh | Nhân viên kế toán |
| 12 | [H1-1.4-12] | Hồ sơ xếp loại công chức, viên chức | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 13 | [H1-1.4-13] | Biên bản kiểm tra hồ sơ học vụ | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh | Nhân viên văn thư |
| 14 | [H1-1.4-14] | Hình ảnh sinh hoạt chuyên đề chuyên môn | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | [H1-1.5-01] | Sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh | Năm học 2013-2014 | Giáo viên | Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.5-02] | Sổ theo dõi chất lượng giáo dục | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Giáo viên | Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.5-03] | Bảng tổng hợp thông tin các lớp theo từng năm học | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên văn thư | Nhân viên văn thư |
| 4 | [H1-1.5-04] | Biên bản bầu Ban cán sự lớp | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Giáo viên | Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.5-05] | Sổ chủ nhiệm | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Giáo viên | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.6** | 1 | [H1-1.6-01] | Sổ đăng bộ | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên văn thư | Nhân viên văn thư |
| 2 | [H1-1.6-02] | Sổ phổ cập giáo dục tiểu học | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Chuyên trách giáo dục Phường 11 | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.6-03] | Học bạ | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Giáo viên | Nhân viên văn thư |
| 4 | [H1-1.6-04] | Sổ nghị quyết họp Hội đồng Sư phạm nhà trường | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.6-05] | Phần mềm chương trình PMIS | Năm học 2017-2018 | Nhân viên văn thư | Nhân viên văn thư |
| 6 | [H1-1.6-06] | Sổ khen thưởng | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Nhân viên văn thư |
| 7 | [H1-1.6-07] | Sổ quản lý tài sản; Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên kế toán | Nhân viên kế toán |
| 8 | [H1-1.6-08] | Sổ công văn đến | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên văn thư | Nhân viên văn thư |
| 9 | [H1-1.6-09] | Sổ công văn đi | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên văn thư | Nhân viên văn thư |
| 10 | [H1-1.6-10] | Biên bản kiểm tra tài chính | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phòng Tài chính quận Bình Thạnh | Nhân viên kế toán |
| 11 | [H1-1.6-11] | Báo cáo Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Ban chấp hành Công đoàn | Chủ tịch  Công đoàn |
| 12 | [H1-1.6-12] | Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Ban Thanh tra nhân dân | Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 13 | [H1-1.6-13] | Báo cáo của Công đoàn trường | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Ban Chấp hành Công đoàn | Chủ tịch Công đoàn |
| 15 | [H1-1.6-14] | Biên bản thanh lý tài sản | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| 16 | [H1-1.6-15] | Trang thông tin điện tử trường | Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | [H1-1.7-01] | Hồ sơ hợp đồng, tuyển dụng | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên kế toán | Nhân viên kế toán |
| 2 | [H1-1.7-02] | Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên văn thư | Nhân viên văn thư |
| **Tiêu chí 1.8** | 1 | [H1-1.8-01] | Bảng phân công chuyên môn | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.8-02] | Báo cáo Sơ kết Học kì I | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.8-03] | Kế hoạch kiểm tra nội bộ | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.8-04] | Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra nội bộ | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.8-05] | Bằng khen với thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liền | Năm học 2014-2015  Năm học 2016-2017 | Uỷ ban nhân dân thành phố | Hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.8-06] | Bằng khen Tập thể lao động xuất sắc | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Uỷ ban nhân dân quận Bình Thạnh | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | [H1-1.10-01] | Phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phòng cảnh sát chữa cháy quận Bình Thạnh | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.10-02] | Hồ sơ xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích | Năm học 2013-2014  Năm học 2015-2016  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.10-03] | Kế hoạch thực hiện 03 bước tự kiểm tra an toàn thực phẩm trong trường học | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó  hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.10-04] | Kế hoạch phòng, chống ma túy | Năm 2013  Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017 | Nhân viên y tế | Nhân viên y tế |
| 5 | [H1-1.10-05] | Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | hiệu trưởng | hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.10-06] | Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Công an Phường 11 | Hiệu trưởng |
| 7 | [H1-1.10-07] | Báo cáo việc thực hiện Quy chế phối hợp tình hình an ninh trật tự | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | [H2-2.1-01] | Hồ sơ Cán bộ công chức của Hiệu trưởng  Hồ sơ viên chức của Phó hiệu trưởng | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.1-02] | Kết quả đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hàng năm | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh | Hiệu trưởng |
| 3 | [H2-2.1-03] | Giấy khen Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 |  | Nhân viên văn thư |
| 4 | [H2-2.1-04] | Bằng Trung cấp lý luận chính trị và quản lý hành chính nhà nước | Năm 2013 | Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận Bình Thạnh | Nhân viên văn thư |
| 5 | [H2-2.1-05] | Giấy chứng nhận lớp cán bộ quản lý | Năm 2008 | Trường Đại học Sài Gòn | Nhân viên văn thư |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | [H2-2.2-01] | Văn bằng, chứng chỉ bộ môn | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo | Nhân viên văn thư |
| 2 | [H2-2.2-02] | Quyết định phân công Tổng phụ trách | Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H2-2.2-03] | Bảng tổng hợp trình độ Cán bộ, giáo viên, nhân viên | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên văn thư | Nhân viên văn thư |
| 4 | [H2-2.2-04] | Hồ sơ đánh giá xếp loại giáo viên | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.3** | 1 | [H2-2.3-01] | Quyết định phân công nhân sự | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.3-02] | Quyết định phân công viên chức làm công tác thư viện, kế toán, y tế | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh  Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh | Nhân viên kế toán |
| 3 | [H2-2.3-03] | Văn bằng của nhân viên | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo | Nhân viên văn thư |
| 4 | [H2-2.3-04] | Hồ sơ đánh giá xếp loại nhân viên | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.4** | 1 | [H2-2.4-01] | Danh sách học sinh các lớp có thông tin về năm sinh | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Nhân viên văn thư |
| 2 | [H2-2.4-02] | - Thống kê hạnh kiểm  - Thống kê phẩm chất, năng lực học sinh | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.1** | 1 | [H3-3.1-01] | Ảnh chụp khuôn viên có cây xanh trong trường | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Tổng phụ trách | Hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.1-02] | Ảnh chụp cổng trường, hình ảnh mặt trước của sảnh trường | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Tổng phụ trách | Hiệu trưởng |
| 3 | [H3-3.1-03] | Sơ đồ tổng thể và từng khu của nhà trường | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.2** | 1 | [H3-3.2-01] | Biên bản kiểm kê tài sản | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.2-02] | Hình ảnh lớp học | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Tổng phụ trách | Tổng phụ trách |
| **Tiêu chí 3.4** | 1 | [H3-3.4-01] | Sơ đồ khu nhà vệ sinh của nhà trường | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó hiệu truởng | Phó hiệu truởng |
| 2 | [H3-3.4-02] | Giấy kiểm nghiệm nước | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Bệnh viện Bình Thạnh | Nhân viên y tế |
| 3 | [H3-3.4-03] | Hợp đồng thu gom rác | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Công ty Dịch vụ Công Ích quận Bình Thạnh | Nhân viên kế toán |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | [H3-3.5-01] | Hợp đồng và hóa đơn thanh toán tiền dịch vụ Internet | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên kế toán | Nhân viên kế toán |
| 2 | [H3-3.5-02] | Danh mục thiết bị dạy họccủa nhà trường | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên  Thư viện-thiết bị | Nhân viên  Thư viện-thiết bị |
| 3 | [H3-3.5-03] | Biên bản kiểm kê thiết bị | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên  Thư viện-thiết bị | Nhân viên  Thư viện-thiết bị |
| 4 | [H3-3.5-04] | Sổ lưu chứng từ mua đồ dùng dạy học | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên  Thư viện-thiết bị | Nhân viên  Thư viện-thiết bị |
| 5 | [H3-3.5-05] | Kế hoạch hoạt động Thư viện-thiết bị | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên  Thư viện-thiết bị | Nhân viên  Thư viện-thiết bị |
| **Tiêu chí 3.6** | 1 | [H3-3.6-01] | Danh mục các loại sách, báo, tài liệu | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên  Thư viện-thiết bị | Nhân viên  Thư viện-thiết bị |
| 2 | [H3-3.6-02] | Sổ theo dõi việc cho mượn sách | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên  Thư viện-thiết bị | Nhân viên  Thư viện-thiết bị |
| 3 | [H3-3.6-03] | Danh mục sách báo, tài liệu được bổ sung cho thư viện nhà trường hàng năm | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên  Thư viện-thiết bị | Nhân viên  Thư viện-thiết bị |
| 4 | [H3-3.6-04] | Hoá đơn mua sách báo hoặc phiếu xuất, nhập kho | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Nhân viên  Thư viện-thiết bị | Nhân viên  Thư viện-thiết bị |
| **Tiêu chí 4.1** | 1 | [H4-4.1-01] | Hồ sơ Ban đại diện Cha mẹ học sinh | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H4-4.1-02] | Biên bản các cuộc họp Cha mẹ học sinh các lớp | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 4.2** | 1 | [H4-4.2-01] | Quyết định thành lập Ban chỉ đạo “ Xây dựng xã hội học tập” Phường 11 | Năm học 2018 | Hội đồng Giáo dục Phường 11 | Hiệu trưởng |
| 2 | [H4-4.2-02] | Nghị quyết Chi bộ | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Bí thư Chi bộ | Bí thư chi bộ |
| 3 | [H4-4.2-03] | Danh sách phụ huynh học sinh đóng góp các công trình | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Ban đại diện Cha mẹ học sinh | Nhân viên kế toán |
| 4 | [H4-4.2-04] | Danh sách học sinh nhận học bổng | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng-Tổng phụ trách | Hiệu trưởng-Tổng phụ trách |
| **Tiêu chí 5.1** | 1 | [H5-5.1-01] | Kế hoạch hoạt động chuyên môn theo từng năm học, học kỳ, tháng, tuần | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.2** | 1 | [H5-5.2-01] | Thời khóa biểu | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.2-02] | Hệ thống quản lý giáo dục (cổng thông tin điện tử) | Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H5-5.2-03] | Kế hoạch Bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu của Phó hiệu trưởng và Tổ chuyên môn | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng  , Tổ trưởng chuyên môn | Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.3** | 1 | [H5-5.3-01] | Kế hoạch tổ chức giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi học sinh | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.3-02] | Kế hoạch rèn kỹ năng sống | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Bảo mẫu | Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H5-5.3-03] | Kế hoạch tháng, tuần | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H5-5.3-04] | Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của nhà trường | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| 5 | [H5-5.3-05] | Sổ dự giờ của giáo viên | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Giáo viên | Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.4** | 1 | [H5-5.4-01] | Kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học của địa phương | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Ủy ban nhân dân Phường 11 | Hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.4-02] | Kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học của nhà trường | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H5-5.4-03] | Kế hoạch tuyển sinh | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.5** | 1 | [H5-5.5-01] | Bảng thống kê kết quả đánh giá, xếp loại học sinh hàng năm | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.5-02] | Hồ sơ xét duyệt học sinh lên lớp, thi lại, ở lại lớp  Hồ sơ xét duyệt hoàn thành chương trình lớp học | Năm học 2013-2014  Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018 | Phó hiệu trưởng | Phó hiệu trưởng |